

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HSST.
Ngày 26/11/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Danh Đại.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thuận và ông Bùi Văn Bửu.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 05/11/2020 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HS ngày 05/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh C; tên gọi khác: T, U; sinh năm 1992 tại Bình Định; nơi cư trú: Số 439 ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Bán thuốc thú y; con ông Nguyễn C, sinh năm 1941 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1951; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/03/2020 đến ngày 21/4/2020 được VKSND huyện C hủy bỏ biện pháp tạm giam, cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. - có mặt

2. Lê Đình T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1999 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: Ấp 01, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng, lắp đặt điện tử; con ông Lê Mạnh H, sinh năm 1970 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/03/2020 đến ngày 21/4/2020 được VKSND huyện C hủy bỏ biện pháp tạm giam, cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. - có mặt

3. Lâm Quang T1; tên gọi khác: Không; sinh năm 1991 tại Long An; nơi cư trú: Số 27 ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Lâm

Quang V, sinh năm 1955 và bà Trần Kim P, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/03/2020 đến ngày 21/4/2020 được VKSND huyện Cư Jút hủy bỏ biện pháp tạm giam, cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. - có mặt

- **Người bị hại:** Anh Phan Quốc B, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 439 ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- **Những người làm chứng:**

1/ Chị Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2/ Ông Phan Duy C1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 152 tổ 6, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

3/ Bà Đinh Thị Ngọc T2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 152 tổ 6, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

4/ Chị Phan Thị Ngọc L1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

5/ Anh Võ Thanh X, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

6/ Bà Trần Thị L2, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

7/ Ông Lê Văn C3, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

8/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 09 N, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

9/ Ông Nguyễn Văn C4, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

10/ Chị Ngô Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/03/2020, Nguyễn Mạnh C cùng với Lê Đình T, Nguyễn Thị Ánh H (là bạn gái của C), Lâm Quang T1 đến nhà vợ chồng ông Phan Duy C1 và bà Đinh Thị Ngọc T2 ở huyện B, TP. Hồ Chí Minh để đòi tiền nợ vì trước đó bà T2 mượn của C. Đến sáng ngày 22/03/2020, vợ chồng ông C1 trốn nhóm của C và đi đến nhà bà Nguyễn Thị M ở Bon U2, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông để ở cùng với hai con là Phan Quốc B và Phan Hoàng T2. Sau khi phát hiện vợ chồng ông C1 bỏ trốn, nhóm của C sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Isuzu loại 7 chỗ BKS 60A - 454.72 gặp và nhờ Võ

Thanh X, Phan Thị Ngọc L1 (là con rể và con ruột của ông C1) đi tìm vợ chồng ông C1 thì X và L1 đồng ý đi cùng. Phan Thị Ngọc L1 gọi điện cho Phan Bá L3 (là em ruột của L1) thì L3 cũng đồng ý đi cùng. Sau đó, Phan Quốc B (là anh ruột của L3) nhắn tin nói L3 đi xuống TT K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để B đón gặp bố mẹ (B không biết L3 đang ở cùng nhóm của C). Sau đó cả nhóm gồm: C, T1, T, H, L1, X, L3 đi xe ô tô đến TT K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khi gần đến thì ghé vào quán nước bên đường uống nước, C, T1, T cùng nhau bàn bạc và thống nhất khi gặp sẽ bắt giữ B để tìm vợ chồng ông C1, đề phòng B bỏ chạy. Khi xe ô tô đến TT K, huyện Đ thì B nhắn tin nói L3 tiếp tục đi xuống TT E, huyện C nên cả nhóm tiếp tục đi.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 24/03/2020, khi đi đến cây xăng A tại tổ dân phố 01, TT E, huyện C thì T dừng và đậu xe ô tô ở cây xăng, H, L1, X nghỉ trên xe; còn C, T, T1, L3 cùng nhau đi đến quán nước mía nhà bà Trần Thị L ở tổ dân phố 01, TT E, huyện C. Tại đây, T1 hỏi mượn xe mô tô để bắt tội phạm thì bà L đồng ý, T1 sử dụng xe mô tô đi qua lại trước quán nước mía để đề phòng nếu B điều khiển xe mô tô bỏ chạy thì đuổi theo; L3 vào trong quán nằm võng và gọi điện cho B ra đón, còn C, T thì núp sau cánh cửa quán nhìn ra để phục bắt B. Sau khi nghe điện thoại của L3 thì B cùng với bà Nguyễn Thị M mỗi người đi một xe mô tô đến quán nước mía của bà L. Khi đến nơi, B dừng xe xuống để đi vào quán thì cùng lúc C, T lao ra bắt, dùng tay quàng cổ giữ B lại, T1 điều khiển xe mô tô đến chặn trước xe của B; B lấy mũ bảo hiểm đánh lại thì bị C, T vật xuống và khóa tay ra sau. Lúc này, bà Nguyễn Thị M thấy vậy thì quay đầu chạy thẳng về nhà, T1 thấy bà M chạy thì điều khiển xe mô tô đi theo. Khi C giữ khóa được tay B thì T quay lại cây xăng điều khiển xe ô tô chở L1, X, H đến, C mở cửa và đưa B lên xe; sau đó, C, L3 điều khiển xe mô tô của B đi theo sau; cả nhóm đi về hướng trung tâm TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Lâm Quang T1 đi theo bà Nguyễn Thị M khoảng 02 km thì thấy bà M đi vào nhà, T1 dừng xe trước cổng nhà bà M thì gặp bà T2 và ông C1; bà T2 nói đã tìm đến rồi thì không trốn nữa và nói T1 gọi điện cho C để chỉ đường về nhà. Khi xe ô tô do T điều khiển đi được khoảng 200 mét thì T1 gọi điện cho C, C bật loa ngoài cho B nghe thì bà T2 nói B dẫn đường cho mọi người về nhà bà M nơi vợ chồng ông C1, bà T2 đang ở. Trên đường đi, L1, X, L3 ngại gặp bà T2 nên xin xuống chờ ở quán cà phê bên đường thì C đồng ý; sau đó, T lái xe ô tô chở B, H (B ngồi ở hàng ghế giữa, H ngồi ở hàng ghế cuối), C điều khiển xe mô tô đi theo sau. Đi khoảng hơn 01km thì đến nhà bà M, tại đây C nói chuyện đề nghị đi về Đồng Nai để giải quyết nợ nần thì vợ chồng ông C1 đồng ý. Sau đó, C bắt xe khách cho L1, X, L3 và T cùng xe mô tô của B về Đồng Nai trước; rồi C, T, T1, H, C1, T2, B cùng nhau đi xe ô tô về Đồng Nai. Khi đi đến huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thì bà T2 ra tín hiệu cầu cứu nên Công an huyện Đ mời về làm việc, sau đó Phan Quốc B trình báo sự việc bắt người trái pháp luật. Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiến hành bắt khẩn cấp C, T, T1.

Trong quá trình điều tra, truy tố, Nguyễn Mạnh C, Lê Đình T, Lâm Quang T1 đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; C, T, T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện C thu giữ gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Mạnh C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12/03/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, Phan Duy C1, số tiền vay 200.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/7/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, người cho vay là Nguyễn Mạnh C, số tiền nợ là 100.000.000 đồng; 01 giấy triệu tập của TAND huyện C ngày 24/01/2020, triệu tập Đinh Thị Ngọc T2 và Phan Duy C1; 01 xe ô tô nhãn hiệu Isuzu màu trắng, BKS 60A - 454.72.

- Thu giữ của Lê Đình T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám ghi;

- Thu giữ của Lâm Quang T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus.

Qua điều tra đã xác định được:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12/03/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, Phan Duy C1, số tiền vay 200.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/7/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, người cho vay là Nguyễn Mạnh C, số tiền nợ là 100.000.000 đồng; 01 giấy triệu tập của TAND huyện C ngày 24/01/2020, triệu tập Đinh Thị Ngọc T2 và Phan Duy C1 là của Nguyễn Mạnh C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám ghi là của Lê Đình T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus là của Lâm Quang T1. Các tài sản trên không sử dụng vào mục đích phạm tội nên ngày 01/8/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho C, T, T1 là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Isuzu màu trắng, BKS 60A - 454.72 là của anh Nguyễn Thanh L (SN: 1982, trú tại: Số 439 ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai) là anh trai của C, anh L không biết việc C mượn xe sử dụng vào mục đích phạm tội nên ngày 29/4/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Thanh L là chủ sở hữu hợp pháp.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Lê Đình T và Lâm Quang T1 như tại bản Cáo trạng số: 34/CTr-VKS ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với các bị cáo về tội “*Bắt người trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Lê Đình T và Lâm Quang T1 phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba mươi sáu) tháng.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng.

Xử phạt bị cáo Lâm Quang T1 từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) đề nghị: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Quốc B không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự, có đơn xin bãi nại cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Vào khoảng 06 giờ 50 phút ngày 24/03/2020, tại khu vực trước quán nước mía của nhà bà Trần Thị L ở tổ dân phố 01, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Mạnh C, Lê Đình T và Lâm Quang T1 có hành vi bắt anh Phan Quốc B trái pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Lê Đình T và Lâm Quang T1 đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 157 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Điều 157. Tội bắt người trái pháp luật

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

.....”

[3] Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền công dân, quyền con người, quyền tự do dân chủ quyền về tính mạng, sức khỏe và tinh thần của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Các bị cáo đều đạt độ tuổi theo luật định và có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật,

nhưng vì mục đích muốn anh B dẫn đường về nơi bà T2, ông C1 cư ngụ để thu hồi được tiền nợ nên đã bắt anh B trái pháp luật. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vị trí, vai trò của từng người. Do đó, cần xem xét xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội, cũng như bảo đảm được sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật Nhà nước.

Xét về nhân thân của bị cáo: Trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa gây thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). HĐXX thấy rằng không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của BLTTHS năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra các quyết định xử lý vật chứng:

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12/03/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, Phan Duy C1, số tiền vay 200.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/7/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, người cho vay là Nguyễn Mạnh C, số tiền nợ là 100.000.000 đồng; 01 giấy triệu tập của TAND huyện C ngày 24/01/2020, triệu tập Đinh Thị Ngọc T2 và Phan Duy C1 cho bị cáo Nguyễn Mạnh C; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám ghi cho bị cáo Lê Đình T; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus cho bị cáo Lâm Quang T1 là các chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Isuzu màu trắng, BKS 60A - 454.72 cho anh Nguyễn Thanh L là chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phan Quốc B không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Lê Đình T và Lâm Quang T1 phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lâm Quang T1 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai phối hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Đình T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai phối hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lâm Quang T1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An phối hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của BLTTHS năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra các quyết định xử lý vật chứng:

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12/03/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, Phan Duy C1, số tiền vay 200.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/7/2018, người nợ là Đinh Thị Ngọc T2, người cho vay là Nguyễn Mạnh C, số tiền nợ là 100.000.000 đồng; 01 giấy triệu tập của TAND huyện C ngày 24/01/2020, triệu tập Đinh Thị Ngọc T2 và Phan Duy C1 cho bị cáo Nguyễn Mạnh C; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám ghi cho bị cáo Lê Đình T; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus cho bị cáo Lâm Quang T1 là các chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Isuzu màu trắng, BKS 60A - 454.72 cho anh Nguyễn Thanh L là chủ sở hữu hợp pháp.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phan Quốc B không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Lê Đình T và Lâm Quang T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

BÙI DANH ĐẠI